

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 17 - 6 - 2021

V/v: “ Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Liên.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Ba.

2. Ông Lưu Đức Chung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Quốc Hoàn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Ông Lê Trọng Minh- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 760/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2020 về việc: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2021/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2021, quyết định hoãn phiên tòa số 102/2021/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1998.

Địa chỉ: ấp 4, xã Hòa H, huyện Xuyên M, tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu

- Bị đơn: Anh Nguyễn Quốc Đ, sinh năm 1992

HKTT: ấp 1, xã Hòa H, huyện Xuyên M, tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu

Chỗ ở: tổ 4, ấp Hiền H, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

(Chị T, anh Đ vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 8 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Nguyễn Thị Thanh T trình bày: Chị và anh Nguyễn Quốc Đ xây dựng gia đình với nhau vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa H, huyện Xuyên M, tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu, do cả hai cùng tự nguyện. Chung sống không hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống, từ năm 2018 đến nay anh Đ không quan tâm đến

vợ con, chị phải một mình nuôi con, vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn yêu cầu được ly hôn anh Đ.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Minh A, sinh ngày 12/12/2016. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có

Tòa án đã tổng Đ hợp lệ Thông báo thụ lý, thông báo mở phiên họp và các quyết định tố tụng khác cho anh Nguyễn Quốc Đ nhưng anh Đ không đến Tòa án làm việc, vì vậy không có lời khai của anh Đ.

Tại biên bản xác minh ngày 06/5/2021, đại diện UBND xã P, huyện L cung cấp :
Anh Nguyễn Quốc Đ hiện đang sinh sống tại tổ 4, ấp Hiền H, xã P, về mâu thuẫn thì giữa chị T và anh Đ thì địa phương không nắm được. Về nợ : hiện không ai khởi kiện về nợ đối với chị T và anh Đ tại địa phương.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thanh T.

Về con chung: Đề nghị giao cháu Nguyễn Ngọc Minh A, sinh ngày 12/12/2016 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T nuôi con không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nên không xét.

Về tài sản chung và nợ chung : Chị T khai không có nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng : Chị Nguyễn Thị Thanh T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 217, khoản 1 Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt chị T. Anh Nguyễn Quốc Đ đã được tổng Đ hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ khoản 2 Điều 217, khoản 3 Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh Đ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Đ xây dựng gia đình với nhau vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa H, huyện Xuyên M, tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu (số 80 ngày 14/7/2016) nên là hôn nhân hợp pháp.

Chị T xin ly hôn anh Đ, vì xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị và anh Đ đã tự sống ly thân từ năm 2018 đến nay, Tòa án đã gửi giấy triệu tập và thông báo về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Đ không đến Tòa án làm việc, chứng tỏ anh Đ không có thiện chí đoàn tụ.

Xét thấy, chị T yêu cầu xin ly hôn, không về đoàn tụ với anh Đ, chứng tỏ mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không Đ nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam năm 2014, xử cho chị T được ly hôn anh Đ.

[3] Về con chung: Chị T và anh Đ có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Minh A, sinh ngày 12/12/2016. Chị T yêu cầu được nuôi cháu Anh.

Xét thấy, chị T và anh Đ đã sống ly thân nhau từ năm 2018 đến nay, chị T là người trực tiếp nuôi con. Vì vậy, để ổn định cuộc sống của trẻ, thấy cần giao cháu Anh cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Chị T nuôi con không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nên không xét.

[4] Tài sản chung và nợ chung: Chị T khai không có nên không xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 217, 218, 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thanh T, xử cho chị T được ly hôn anh Nguyễn Quốc Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Minh A, sinh ngày 12/12/2016 cho chị Nguyễn Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm thời anh Nguyễn Quốc Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 84, 110, 118 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam năm 2014.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0004733 ngày 12/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành. Chị T đã nộp đủ án phí.

5. Chị Nguyễn Thị Thanh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Quốc Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận :

- TAND T. Đồng Nai.
- VKSND H. Long Thành.
- THA H. Long Thành.
- UBND xã Hòa H
- Huyện X, BR-VT
- Các đương sự.
- Lưu.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Liên